

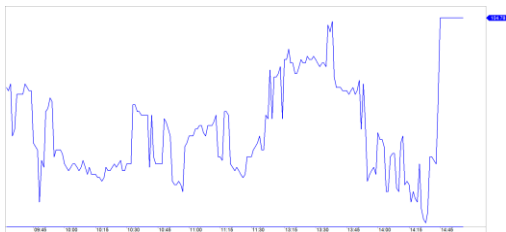
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	934.67	104.78	55.67
% ngày	0.42%	0.78%	0.54%
% tuần	0.60%	2.15%	1.70%
% tháng	-3.50%	2.50%	0.20%
% năm	0.93%	-0.45%	0.11%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	2,966	306	179
TB 1 tuần	3,355	377	252
TB 1 tháng	3,514	355	213
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	486.75	3.32	21.14
Bán	544.27	8.31	23.76
Giá trị ròng	-57.51	-4.99	-2.62
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	172	68	172
Mã Giảm	117	58	73
Không Đổi	100	245	658
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	14.40	9.03	14.34
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,191	201	869
LS Cổ tức	2.40%	5.42%	4.66%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Các chỉ số thị trường Việt Nam ghi nhận phiên hồi phục. Chỉ số VN-Index đóng cửa trong sắc xanh tại 934.67 điểm tương ứng mức tăng 0.42%. Chỉ số HNX-Index cũng cùng chung diễn biến với mức tăng 0.77% chốt tại 104.78 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh cải thiện đạt hơn 3,160 tỷ đồng trên toàn thị trường.

Nhóm Ngân hàng (MBB, TCB, STB, CTG, VPB, BID, SHB) đóng vai trò bệ đỡ thị trường khi diễn biến khá tích cực trong phiên hôm nay. Cụ thể, BID(+3.5%) là cổ phiếu có ảnh hưởng tích cực nhất ghi nhận phiên hồi phục đầu tiên sau chuỗi phiên 4 giảm. CTG tăng 4.3% và đồ thị giá đang quay về lại vùng đỉnh cũ. Cùng chiều, VPB(+3.3%) với thanh khoản đạt hơn 4.9 triệu cp. Nhóm bluechip diễn biến khởi sắc có thể kể tên như CTD(+3.8%), STB(+3.7%), SBT(+2.8%), PLX(+2.3%), REE(+2.1%), FPT(+1.9%), TCB(+1.4%), MBB(+1%)... Ngoài nhóm Ngân hàng, nhóm Bất động sản (DXG, SCR, SZL, D2D, DRH, HDC, NDN, SJS) cũng diễn biến khá tích cực với sắc xanh lan rộng ở nhóm. Ở chiều ngược lại, nhóm Vật liệu xây dựng bị bán mạnh gồm HPG(-3.1%), HSG(-2.2%).

Khối ngoại bán ròng với hơn 65 tỷ đồng toàn thị trường. MSN(42.9 tỷ), VNM(28.3 tỷ, HPG(19.5 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, VRE(29.8 tỷ), VCB(15.3 tỷ) được mua ròng tích cực nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục hồi phục về lại vùng giá 940 điểm của chỉ số VN-Index trong phiên tới. Đồng thời, thị trường có thể sẽ có dấu hiệu bước vào giai đoạn tích lũy trong ngắn hạn cho nên thị trường có thể sẽ biến động hẹp và dòng tiền phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index và VN30 với mức hỗ trợ lần lượt ở mức 912.70 điểm và 832.32 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới.

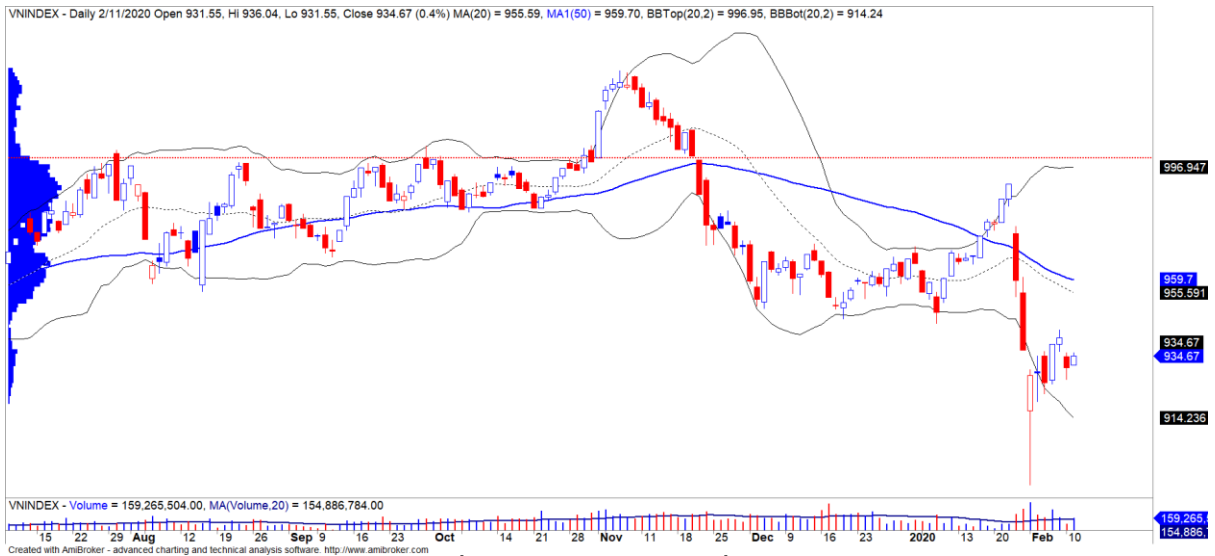
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 34% cổ phiếu/66% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

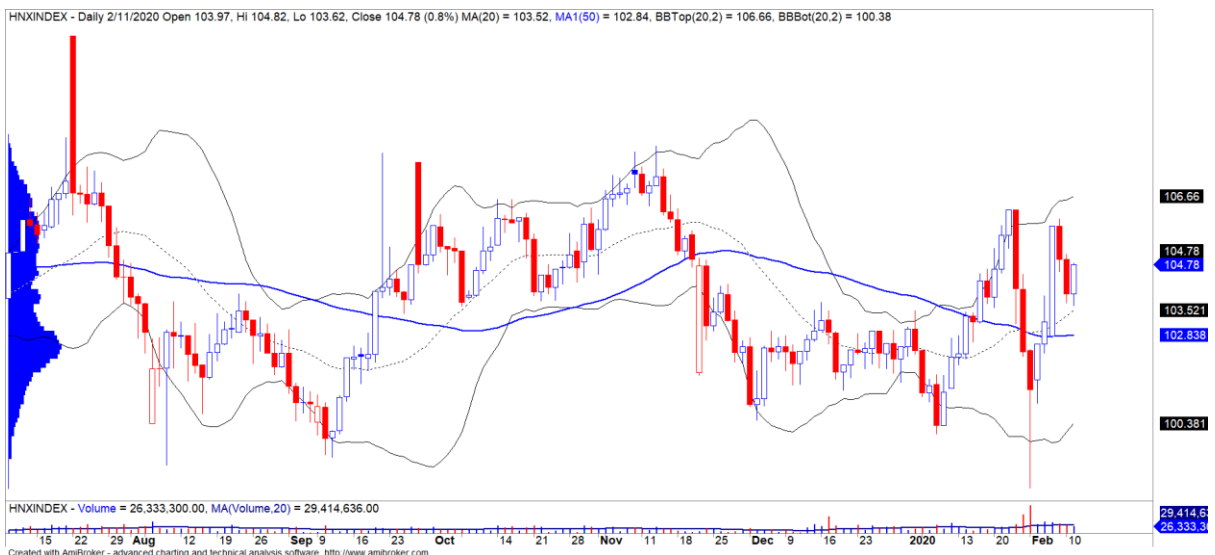


We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804

We Create Fortune

## BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.25	TĂNG	GIẢM	11.95	11.35	2.51%			13.53		
ACB	23.70	TĂNG	TĂNG	24.00	22.57	-1.25%		24.00	22.57	-1.25%	
ACV	58.00	GIẢM	GIẢM		61.40				75.00		
ANV	18.55	TĂNG	GIẢM	18.80	17.72	-1.33%			23.43		
ASM	5.70	GIẢM	GIẢM		6.07				7.14		
BFC	10.65	GIẢM	GIẢM		11.04				13.05		
BID	50.80	GIẢM	TĂNG		54.26			33.40	49.22	52.10%	
BMP	40.60	GIẢM	GIẢM		43.42				48.01		
BSR	7.60	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	57.80	GIẢM	GIẢM		60.36				69.81		
BWE	21.00	TĂNG	GIẢM	21.00	20.78	0.00%	MUA		24.17		
CEO	8.40	GIẢM	GIẢM		8.62				9.70		
CII	23.85	GIẢM	TĂNG		25.45			26.00	22.83	-8.27%	
CMG	30.60	GIẢM	GIẢM		32.30				37.31		
CMX	13.60	GIẢM	GIẢM		14.27				16.17		
CSM	13.80	GIẢM	GIẢM		14.66				14.75		
CTD	63.00	TĂNG	TĂNG	56.80	53.57	10.92%			61.28		
CTG	27.75	TĂNG	TĂNG	20.60	25.20	34.71%		23.55	22.98	17.83%	
CTR	47.10	GIẢM	TĂNG		48.02			49.70	40.69	-5.23%	
CVT	20.35	TĂNG	GIẢM	20.35	19.20	0.00%			22.18		
DCM	5.93	TĂNG	GIẢM	5.93	5.90	0.00%	MUA		6.45		
DGC	24.30	GIẢM	GIẢM		25.21				26.93		
DGW	26.80	TĂNG	TĂNG	24.85	24.01	7.85%		25.20	22.71	6.35%	
DHA	32.50	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	2.04%			32.52		
DHC	38.30	GIẢM	TĂNG		40.92			37.70	36.02	1.59%	
DHG	99.00	GIẢM	TĂNG		101.23			99.50	85.65	-0.50%	
DIG	11.85	GIẢM	GIẢM		12.10				14.11		
DPG	26.60	GIẢM	GIẢM		27.66				37.15		
DPM	11.70	GIẢM	GIẢM		11.87				13.46		
DPR	38.45	GIẢM	TĂNG		40.16			41.30	36.21	-6.90%	
DQC	14.00	GIẢM	GIẢM		15.24				16.64		
DRC	23.35	GIẢM	GIẢM		24.62				27.34		
DXG	12.65	TĂNG	GIẢM	12.45	11.22	1.61%			14.22		
EIB	17.55	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-1.40%		18.40	16.46	-4.62%	
FCN	9.48	GIẢM	GIẢM		9.88				10.95		

We Create Fortune

FMC	24.70	GIẢM	GIẢM		25.60			27.29	25.00	-8.40%	BÁN
FPT	53.60	GIẢM	GIẢM		53.94				58.90		
GAS	85.60	GIẢM	GIẢM		87.45				98.55		
GEX	18.95	GIẢM	GIẢM		19.98				20.84		
GIL	19.15	GIẢM	TĂNG		19.25			18.90	16.78	1.32%	
GMD	19.10	GIẢM	GIẢM		19.77				22.53		
GTN	16.50	GIẢM	GIẢM		17.51				20.52		
GVR	10.90	GIẢM	GIẢM		11.30				13.25		
HAG	3.45	GIẢM	GIẢM		3.59				4.22		
HAX	14.05	GIẢM	GIẢM		14.30				16.92		
HBC	10.85	GIẢM	GIẢM		11.15				12.34		
HCM	18.45	GIẢM	GIẢM		19.90				23.33		
HDB	29.00	TĂNG	GIẢM	28.40	27.99	2.11%		29.95	29.24	-2.38%	MUA
HDC	21.35	TĂNG	GIẢM	21.35	21.10	0.00%	MUA		24.90		
HDG	26.90	GIẢM	GIẢM		28.07				31.87		
HNG	13.60	GIẢM	GIẢM		13.78				14.89		
HPG	23.60	GIẢM	TĂNG		25.35			23.85	23.23	-1.05%	
HSG	7.84	GIẢM	TĂNG		8.68			7.75	7.52	1.16%	
HT1	14.35	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-15.09%	
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.33				2.71		
HVN	27.20	GIẢM	GIẢM		28.13				33.76		
KBC	14.85	GIẢM	TĂNG		15.27			15.35	14.21	-3.26%	
KDH	25.00	GIẢM	TĂNG		25.31			24.00	24.98	4.17%	BÁN
KSB	16.65	TĂNG	GIẢM	16.65	16.58	0.00%	MUA		17.89		
LCG	6.60	GIẢM	GIẢM		6.88				8.11		
LDG	6.45	GIẢM	GIẢM		7.03				8.94		
LHG	14.40	GIẢM	GIẢM		15.04				16.79		
LPB	7.10	TĂNG	GIẢM	7.00	6.62	1.43%			7.29		
MBB	21.20	TĂNG	GIẢM	21.80	20.32	-2.75%			22.70		
MPC	22.20	TĂNG	TĂNG	22.00	19.28	0.91%		24.10	19.14	-7.88%	
MSN	49.90	GIẢM	GIẢM		51.76				58.99		
MSR	15.00	TĂNG	GIẢM	15.00	13.43	0.00%			16.05		
MWG	106.50	GIẢM	GIẢM		112.02				122.49		
NDN	14.50	GIẢM	GIẢM		15.06				17.24		
NKG	8.03	GIẢM	GIẢM		8.93			7.11	8.06	13.41%	BÁN
NLG	26.10	GIẢM	GIẢM		26.97			28.70	26.30	-8.38%	
NT2	20.90	TĂNG	TĂNG	19.80	19.20	5.56%		20.55	20.20	1.70%	MUA
NTL	20.75	GIẢM	GIẢM		21.84			24.20	21.14	-12.66%	BÁN
NVL	54.20	GIẢM	GIẢM		56.60				59.44		

We Create Fortune

OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		7.55			9.17		
PAC	23.30	GIẢM	GIẢM		24.12			26.37		
PC1	14.65	GIẢM	GIẢM		16.13			19.39		
PDR	25.90	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-2.26%	29.00	25.19	-10.69%	
PHR	38.90	TĂNG	GIẢM	38.50	34.64	1.04%		45.56		
PLX	52.80	GIẢM	GIẢM		53.12			59.63		
PNJ	81.50	GIẢM	GIẢM		86.05			94.79		
POW	9.86	GIẢM	GIẢM		10.35			12.20		
PVT	13.40	GIẢM	GIẢM		13.90			15.69		
PPC	26.30	TĂNG	TĂNG	26.80	25.10	-1.87%	28.40	24.39	-7.39%	
PTB	68.00	TĂNG	GIẢM	70.00	64.54	-2.86%		72.44		
PVB	16.50	GIẢM	GIẢM		17.40			19.44		
PVD	13.35	GIẢM	GIẢM		13.50			15.83		
PVI	32.20	TĂNG	GIẢM	32.00	30.17	0.63%		33.18		
PVS	16.20	TĂNG	GIẢM	16.90	15.11	-4.14%		19.30		
PXS	5.70	TĂNG	TĂNG	5.90	5.39	-3.39%	6.20	4.92	-8.06%	
QNS	28.30	TĂNG	GIẢM	27.70	27.54	2.17%		28.87		
REE	34.25	GIẢM	GIẢM		34.69			38.52		
SAB	194.00	GIẢM	GIẢM		208.72			239.78		
SAM	10.20	TĂNG	TĂNG	8.15	9.10	25.15%	7.40	8.72	37.84%	
SCR	5.29	TĂNG	GIẢM	5.30	5.02	-0.19%		5.89		
SHI	8.80	GIẢM	TĂNG		9.22		6.99	8.30	25.89%	
SJS	17.90	TĂNG	TĂNG	16.90	15.99	5.92%	17.00	14.89	5.29%	MUA
SKG	11.50	GIẢM	GIẢM		11.68			13.10		
SSI	17.45	GIẢM	GIẢM		17.93			19.73		
STB	11.35	TĂNG	TĂNG	10.95	10.51	3.65%	10.20	9.94	11.27%	
TCB	22.15	GIẢM	GIẢM		22.54			24.80		
TCM	19.65	GIẢM	TĂNG		20.74		20.65	18.90	-4.84%	
TDH	9.72	GIẢM	GIẢM		10.07			11.10		
TLH	3.41	GIẢM	GIẢM		3.73		3.96	3.49	-12.00%	BÁN
TNG	15.20	GIẢM	TĂNG		15.96		15.50	14.03	-1.94%	
VCB	89.20	GIẢM	TĂNG		91.95		62.00	86.74	43.87%	
VCG	25.10	TĂNG	GIẢM	25.80	24.54	-2.71%	19.20	25.28	31.66%	BÁN
VCS	72.70	TĂNG	GIẢM	71.80	65.50	1.25%		79.65		
VGC	17.50	GIẢM	GIẢM		18.10			18.86		
VGT	8.80	TĂNG	GIẢM	8.60	8.33	2.33%	9.10	8.95	-1.70%	MUA
VHC	32.50	GIẢM	GIẢM		34.58			41.72		
VHM	86.20	GIẢM	GIẢM		88.10			91.72		
VIB	17.30	GIẢM	TĂNG		18.03		17.70	16.56	-2.26%	



We Create Fortune

VIC	113.40	GIẢM	GIẢM		115.59			112.00	113.76	1.57%
VIP	5.10	TĂNG	GIẢM	5.08	4.88	0.39%			5.28	
VJC	129.00	TĂNG	GIẢM	131.20	123.98	-1.68%			146.47	
VND	14.15	GIẢM	TĂNG		14.54			14.70	13.53	-3.74%
VNG	18.90	GIẢM	GIẢM		19.64				20.87	
VNM	107.20	GIẢM	GIẢM		111.71				123.69	
VPB	25.40	TĂNG	TĂNG	20.00	23.46	27.00%		21.90	20.59	15.98%
VPI	42.30	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-0.35%		41.30	40.54	2.42%
VRC	6.05	GIẢM	GIẢM		6.97				10.69	
VRE	31.40	TĂNG	GIẢM	32.00	29.15	-1.88%			34.37	
VSC	25.40	GIẢM	TĂNG		26.09			27.00	24.46	-5.93%

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.70	TĂNG	TĂNG	24.00	22.57	-1.25%		24.00	22.57	-1.25%	
BID	50.80	GIẢM	TĂNG		54.26			33.40	49.22	52.10%	
BSR	7.60	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	57.80	GIẢM	GIẢM		60.36				69.81		
CTG	27.75	TĂNG	TĂNG	20.60	25.20	34.71%		23.55	22.98	17.83%	
FPT	53.60	GIẢM	GIẢM		53.94				58.90		
GAS	85.60	GIẢM	GIẢM		87.45				98.55		
GEX	18.95	GIẢM	GIẢM		19.98				20.84		
GVR	10.90	GIẢM	GIẢM		11.30				13.25		
HDB	29.00	TĂNG	GIẢM	28.40	27.99	2.11%		29.95	29.24	-2.38%	MUA
HNG	13.60	GIẢM	GIẢM		13.78				14.89		
HPG	23.60	GIẢM	TĂNG		25.35			23.85	23.23	-1.05%	
HVN	27.20	GIẢM	GIẢM		28.13				33.76		
KDH	25.00	GIẢM	TĂNG		25.31			24.00	24.98	4.17%	BÁN
MBB	21.20	TĂNG	GIẢM	21.80	20.32	-2.75%			22.70		
MSN	49.90	GIẢM	GIẢM		51.76				58.99		
MWG	106.50	GIẢM	GIẢM		112.02				122.49		
NVL	54.20	GIẢM	GIẢM		56.60				59.44		
OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		7.55				9.17		
PLX	52.80	GIẢM	GIẢM		53.12				59.63		
PNJ	81.50	GIẢM	GIẢM		86.05				94.79		
POW	9.86	GIẢM	GIẢM		10.35				12.20		

We Create Fortune

QNS	28.30	TĂNG	GIẢM	27.70	27.54	2.17%			28.87		
REE	34.25	GIẢM	GIẢM		34.69				38.52		
ROS	8.62	GIẢM	GIẢM		8.70				13.39		
SBT	18.50	TĂNG	TĂNG	18.50	18.11	0.00%	MUA	17.50	17.46	5.71%	
SSI	17.45	GIẢM	GIẢM		17.93				19.73		
STB	11.35	TĂNG	TĂNG	10.95	10.51	3.65%		10.20	9.94	11.27%	
TCB	22.15	GIẢM	GIẢM		22.54				24.80		
TPB	21.00	GIẢM	GIẢM		21.43				23.94		
VCB	89.20	GIẢM	TĂNG		91.95			62.00	86.74	43.87%	
VCG	25.10	TĂNG	GIẢM	25.80	24.54	-2.71%		18.44	25.28	37.08%	BÁN
VCS	72.70	TĂNG	GIẢM	71.80	65.50	1.25%			79.65		
VEA	44.00	TĂNG	GIẢM	45.50	42.41	-3.30%			59.45		
VGI	27.90	TĂNG	GIẢM	27.90	25.95	0.00%	MUA		28.29		
VHM	86.20	GIẢM	GIẢM		88.10				91.72		
VIB	17.30	GIẢM	TĂNG		18.03			15.00	16.56	15.30%	
VIC	113.40	GIẢM	GIẢM		115.59			112.00	113.76	1.57%	
VJC	129.00	TĂNG	GIẢM	131.20	123.98	-1.68%			146.47		
VNM	107.20	GIẢM	GIẢM		111.71				123.69		
VPB	25.40	TĂNG	TĂNG	20.00	23.46	27.00%		21.90	20.59	15.98%	
VRE	31.40	TĂNG	GIẢM	32.00	29.15	-1.88%			34.37		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.25	TĂNG	GIẢM	11.95	11.35	2.51%			13.53		
ANV	18.55	TĂNG	GIẢM	18.80	17.72	-1.33%			23.43		
ASM	5.70	GIẢM	GIẢM		6.07				7.14		
BMI	24.10	GIẢM	TĂNG		25.09			26.70	23.99	-9.74%	
BMP	40.60	GIẢM	GIẢM		43.42				48.01		
BWE	21.00	TĂNG	GIẢM	21.00	20.78	0.00%	MUA		24.17		
CEO	8.40	GIẢM	GIẢM		8.62				9.70		
CII	23.85	GIẢM	TĂNG		25.45			26.00	22.83	-8.27%	
CRE	22.70	GIẢM	GIẢM		23.47				24.96		
CTI	22.00	TĂNG	GIẢM	22.20	18.61	-0.90%			23.07		
CTR	47.10	GIẢM	TĂNG		48.02			43.70	40.69	7.78%	
D2D	53.90	TĂNG	GIẢM	54.90	48.58	-1.82%			71.63		
DBD	54.40	GIẢM	GIẢM	58.00	54.48	-6.07%	BÁN		60.29		

We Create Fortune

DCM	5.93	TĂNG	GIẢM	5.93	5.90	0.00%	MUA		6.45		
DGW	26.80	TĂNG	TĂNG	24.85	24.01	7.85%		25.20	22.71	6.35%	
DHC	38.30	GIẢM	TĂNG		40.92			37.70	36.02	1.59%	
DIG	11.85	GIẢM	GIẢM		12.10				14.11		
DPG	26.60	GIẢM	GIẢM		27.66				37.15		
DPM	11.70	GIẢM	GIẢM		11.87				13.46		
DRC	23.35	GIẢM	GIẢM		24.62				27.34		
DXG	12.65	TĂNG	GIẢM	12.45	11.22	1.61%			14.22		
E1VFN30	14.26	GIẢM	GIẢM		14.52				15.42		
FCN	9.48	GIẢM	GIẢM		9.88				10.95		
FLC	3.97	GIẢM	GIẢM		4.20				4.98		
GEG	24.80	GIẢM	GIẢM		25.75				27.32		
GMD	19.10	GIẢM	GIẢM		19.77				22.53		
GTN	16.50	GIẢM	GIẢM		17.51				20.52		
HAG	3.45	GIẢM	GIẢM		3.59				4.22		
HBC	10.85	GIẢM	GIẢM		11.15				12.34		
HCM	18.45	GIẢM	GIẢM		19.90				23.33		
HDC	21.35	TĂNG	GIẢM	21.35	21.10	0.00%	MUA		24.90		
HDG	26.90	GIẢM	GIẢM		28.07				31.87		
HPX	26.50	TĂNG	#N/A	27.50	26.12	-3.64%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.84	GIẢM	TĂNG		8.68			7.75	7.52	1.16%	
HT1	14.35	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-15.09%	
HTM	17.20	TĂNG	TĂNG	19.60	16.31	-12.24%		20.00	15.34	-14.00%	
IBC	20.85	TĂNG	GIẢM	20.80	19.93	0.24%			21.22		
IDI	4.18	GIẢM	GIẢM		4.44				5.38		
IJC	13.50	GIẢM	GIẢM		14.16				16.08		
ITA	2.22	GIẢM	GIẢM		2.37				2.83		
KBC	14.85	GIẢM	TĂNG		15.27			14.85	14.21	0.02%	
KDC	18.15	GIẢM	TĂNG		19.21			20.82	18.08	-12.81%	
KOS	28.70	GIẢM	TĂNG		29.75			26.30	26.34	9.13%	
KSB	16.65	TĂNG	GIẢM	16.65	16.58	0.00%	MUA		17.89		
LDG	6.45	GIẢM	GIẢM		7.03				8.94		
LPB	7.10	TĂNG	GIẢM	7.00	6.62	1.43%			7.29		
MBG	17.30	TĂNG	GIẢM	17.30	16.70	0.00%	MUA		26.71		
MBS	11.70	GIẢM	GIẢM		12.82				15.75		
MPC	22.20	TĂNG	TĂNG	22.00	19.28	0.91%		24.10	19.14	-7.88%	
NBB	20.20	GIẢM	GIẢM		20.91				22.02		
NKG	8.03	GIẢM	GIẢM		8.93			7.11	8.06	13.41%	BÁN

We Create Fortune

NLG	26.10	GIẢM	GIẢM		26.97			26.28	26.30	0.06%	
NT2	20.90	TĂNG	TĂNG	19.80	19.20	5.56%		20.55	20.20	1.70%	MUA
NTL	20.75	GIẢM	GIẢM		21.84			24.20	21.14	-12.66%	BÁN
NVB	9.00	GIẢM	TĂNG		9.49			8.50	8.62	5.88%	
OGC	3.38	GIẢM	GIẢM		3.53				3.88		
PC1	14.65	GIẢM	GIẢM		16.13				19.39		
PDR	25.90	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-2.26%		23.59	25.19	9.77%	
PHR	38.90	TĂNG	GIẢM	38.50	34.64	1.04%			45.56		
PPC	26.30	TĂNG	TĂNG	26.80	25.10	-1.87%		28.40	24.39	-7.39%	
PTB	68.00	TĂNG	GIẢM	70.00	64.54	-2.86%			72.44		
PVD	13.35	GIẢM	GIẢM		13.50				15.83		
PVI	32.20	TĂNG	GIẢM	32.00	30.17	0.63%			33.18		
PVS	16.20	TĂNG	GIẢM	16.90	15.11	-4.14%			19.30		
PVT	13.40	GIẢM	GIẢM		13.90				15.69		
QCG	3.60	GIẢM	GIẢM		3.79				4.28		
SCR	5.29	TĂNG	GIẢM	5.30	5.02	-0.19%			5.89		
SGP	6.30	GIẢM	GIẢM		6.64				8.37		
SHB	7.20	GIẢM	TĂNG		7.71			7.10	5.56	1.41%	
SHS	7.10	GIẢM	GIẢM		7.22				8.11		
SZC	15.60	TĂNG	GIẢM	15.55	14.11	0.32%			18.18		
TCH	44.80	TĂNG	TĂNG	30.05	42.20	49.08%		26.15	36.91	71.32%	
TCM	19.65	GIẢM	TĂNG		20.74			20.65	18.90	-4.84%	
TDH	9.72	GIẢM	GIẢM		10.07				11.10		
TNG	15.20	GIẢM	TĂNG		15.96			15.50	14.03	-1.94%	
TTB	3.45	GIẢM	GIẢM		3.59				6.11		
VGC	17.50	GIẢM	GIẢM		18.10				18.86		
VGT	8.80	TĂNG	GIẢM	8.60	8.33	2.33%		9.10	8.95	-1.70%	MUA
VHC	32.50	GIẢM	GIẢM		34.58				41.72		
VND	14.15	GIẢM	TĂNG		14.54			14.70	13.53	-3.74%	
VNG	18.90	GIẢM	GIẢM		19.64				20.87		
VPI	42.30	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-0.35%		41.30	40.54	2.42%	

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	7.10	GIẢM	GIẢM		7.81			9.00	7.48	-16.87%	<b>BÁN</b>
AGR	3.31	TĂNG	GIẢM	3.60	3.27	-8.06%			3.87		
AMD	1.75	GIẢM	GIẢM		1.93				2.33		
APG	11.35	TĂNG	TĂNG	10.70	10.67	6.07%		9.90	9.31	14.65%	
ART	2.30	GIẢM	TĂNG		2.60			2.30	2.12	0.00%	
BCG	6.15	TĂNG	GIẢM	6.59	5.75	-6.68%			7.40		
C4G	5.80	GIẢM	GIẢM		6.30				6.98		
C69	6.30	TĂNG	GIẢM	6.30	5.20	0.00%			10.61		
CCL	5.95	GIẢM	GIẢM		6.65			7.88	6.27	-20.46%	<b>BÁN</b>
CVT	20.35	TĂNG	GIẢM	20.35	19.20	0.00%			22.18		
DAH	8.50	GIẢM	GIẢM		9.01				10.48		
DLG	1.76	GIẢM	GIẢM		1.92				2.30		
DRH	3.81	TĂNG	GIẢM	3.63	3.15	4.96%			4.24		
DTD	9.90	GIẢM	GIẢM		10.30				12.04		
EVG	2.43	GIẢM	GIẢM		2.62				2.80		
FIT	8.00	GIẢM	GIẢM		8.67				10.50		
FTM	1.85	TĂNG	GIẢM	1.84	1.61	0.54%			3.13		
FUES SV50	12.40	GIẢM	GIẢM		12.49				13.06		
GKM	15.90	TĂNG	TĂNG	15.00	15.01	6.00%		14.90	14.67	6.71%	
HAH	10.50	GIẢM	GIẢM		10.89				12.41		
HAI	2.46	GIẢM	GIẢM		2.81				3.33		
HAR	3.15	GIẢM	GIẢM		3.41				4.15		
HDA	8.90	GIẢM	GIẢM		9.40				10.46		
HHP	12.50	GIẢM	GIẢM		12.89				13.13		
HHS	4.10	TĂNG	TĂNG	4.03	3.71	1.74%		3.36	3.16	22.02%	
HID	2.60	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	10.17%		2.63	2.16	-1.14%	
HII	10.70	TĂNG	TĂNG	9.61	9.32	11.34%			10.51		
HQC	1.01	GIẢM	GIẢM		1.05				1.19		
HSL	5.89	GIẢM	GIẢM		6.67				8.34		
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.33				2.71		
HVG	8.25	GIẢM	TĂNG		8.59			3.90	6.94	111.54%	
HVH	11.30	GIẢM	GIẢM		11.81				16.03		
IDJ	9.80	TĂNG	TĂNG	9.20	8.42	6.52%		7.20	6.50	36.11%	
JVC	3.55	GIẢM	GIẢM		3.76				3.79		



We Create Fortune

KLF	1.40	GIẢM	TĂNG		1.57			1.50	1.33	-6.67%	
LCG	6.60	GIẢM	GIẢM		6.88				8.11		
LGL	6.63	GIẢM	GIẢM		7.25				8.55		
LHG	14.40	GIẢM	GIẢM		15.04				16.79		
LMH	2.50	GIẢM	GIẢM		2.68				5.08		
MST	5.60	TĂNG	TĂNG	5.60	5.30	0.00%	MUA	3.40	4.34	64.71%	
NDN	14.50	GIẢM	GIẢM		15.06				17.24		
PHC	10.70	GIẢM	GIẢM		10.91				11.91		
PLP	9.00	GIẢM	GIẢM		9.44				10.90		
PVB	16.50	GIẢM	GIẢM		17.40				19.44		
PVC	6.30	GIẢM	GIẢM		6.39				7.13		
PVX	1.00	GIẢM	GIẢM		1.17				1.45		
PXL	7.90	TĂNG	TĂNG	8.10	7.28	-2.47%		6.70	6.66	17.91%	
SHI	8.80	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	52.64%	
SJF	1.68	GIẢM	GIẢM		1.84				2.06		
SPP	1.70	TĂNG	GIẢM	1.70	1.48	0.00%			2.27		
TDC	8.16	GIẢM	GIẢM		8.45				9.04		
TIG	6.10	GIẢM	TĂNG		6.31			3.20	5.54	90.63%	
TLH	3.41	GIẢM	GIẢM		3.73			3.96	3.49	-12.00%	BÁN
TNA	18.20	GIẢM	GIẢM		19.19				22.82		
TNI	10.30	GIẢM	TĂNG		10.41			10.90	9.99	-5.50%	
TSC	2.13	GIẢM	GIẢM		2.34				3.21		
TTF	2.45	GIẢM	GIẢM		2.56				2.97		
TTH	2.60	TĂNG	GIẢM	2.70	2.49	-3.70%			2.89		
TVC	23.10	TĂNG	TĂNG	22.00	20.98	5.00%		14.30	18.60	61.54%	
VC3	16.40	GIẢM	TĂNG		17.00			22.00	16.32	-25.45%	
VCR	9.40	TĂNG	GIẢM	9.40	9.35	0.00%	MUA		12.75		
VNA	2.70	GIẢM	GIẢM		3.10				3.99		
VNE	3.56	GIẢM	GIẢM		3.77				3.70		
VRC	6.05	GIẢM	GIẢM		6.97				10.69		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	934.67	0.42%
VN30	856.39	0.41%
VN Mid	895.63	0.53%
VN Small	723.58	0.82%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	104.78	0.78%
HN30	183.69	1.10%
VNX AllSh	820.31	0.34%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.67	0.54%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	486.75	
Bán	544.27	
GT rỗng	-57.51	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	3.32	
Bán	8.31	
GT rỗng	-4.99	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	21.14	
Bán	23.76	
GT rỗng	-2.62	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ROS	560	6.95%
YEG	2600	6.93%
SAM	600	6.25%
KSB	850	5.38%
FIT	400	5.26%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TIG	400	7.02%
SHB	400	5.88%
MBG	600	3.59%
NDN	400	2.84%
BCC	100	1.54%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PXL	400	5.33%
EVF	400	5.19%
CTR	1500	3.29%
LTG	500	2.70%
NTC	4200	2.61%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
STK	-700	-3.88%
DLG	-60	-3.30%
VHC	-1100	-3.27%
HPG	-750	-3.08%
PC1	-350	-2.33%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
AMV	-600	-3.16%
CEO	-200	-2.33%
TAR	-500	-1.55%
VCS	-900	-1.22%
DNP	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HTM	-1400	-7.53%
DVN	-600	-4.48%
QNS	-300	-1.05%
HND	-100	-0.61%
ACV	-100	-0.17%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	383,568	
VCB	330,832	
VHM	283,556	
BID	204,319	
VNM	186,676	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	39,259	
SHB	12,639	
VCS	11,632	
VCG	11,087	
PVS	7,743	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	126,331	
VEA	58,543	
MCH	48,277	
GVR	43,592	
BCM	26,338	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
STB	14,652,800	7,693,249
HPG	12,551,620	8,202,311
LMH	10,270,270	1,653,749
SCR	8,112,600	1,280,036
HSG	6,924,170	5,734,662

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	9,513,306	9,413,107
NVB	1,989,212	1,862,635
ACB	1,862,090	2,652,098
PVS	1,163,027	2,296,216
MST	970,906	281,840

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
LPB	778,552	962,819
BSR	550,993	2,354,705
VIB	491,576	744,330
EVF	489,288	238,264
CTR	463,990	430,984

Nguồn: Bloomberg & YSVN

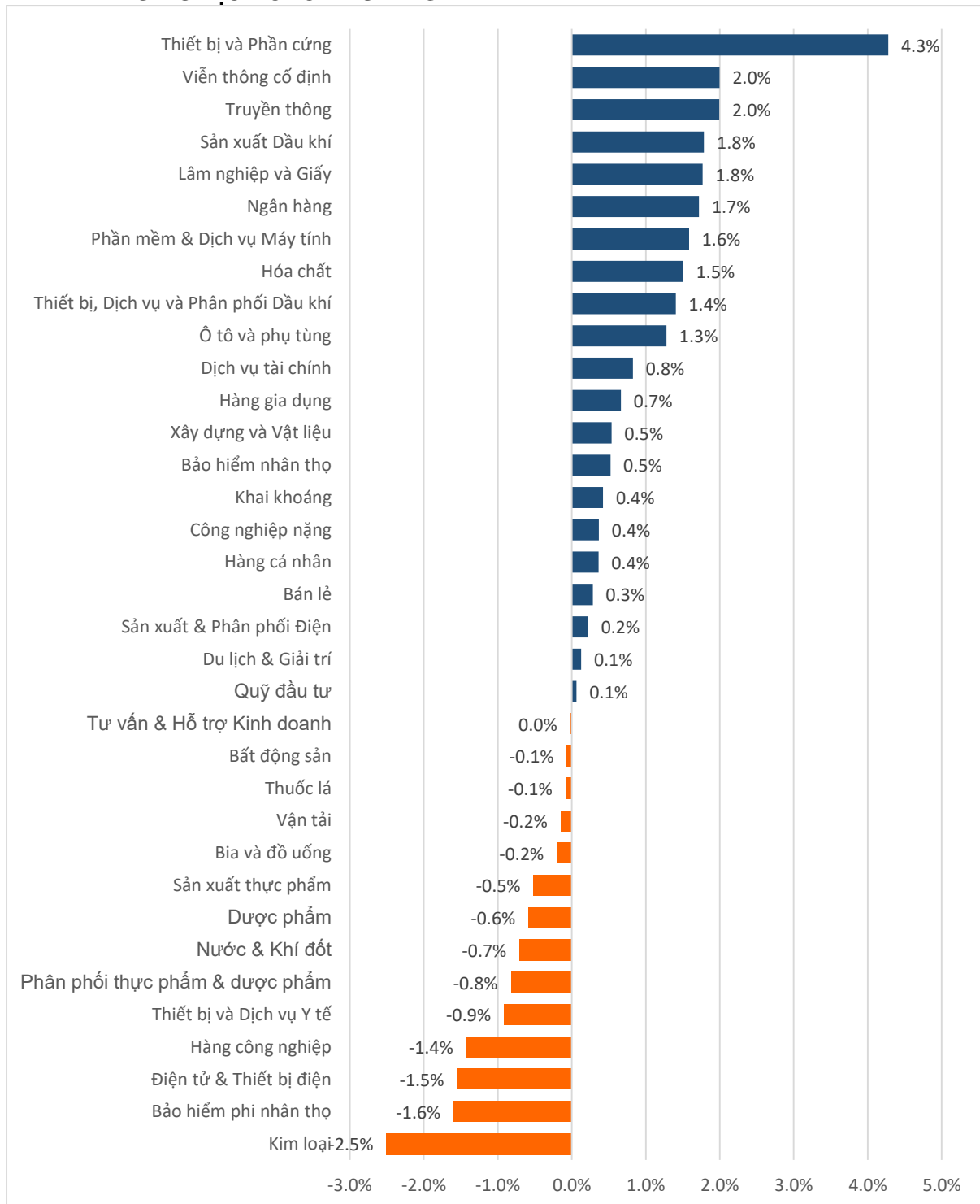
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



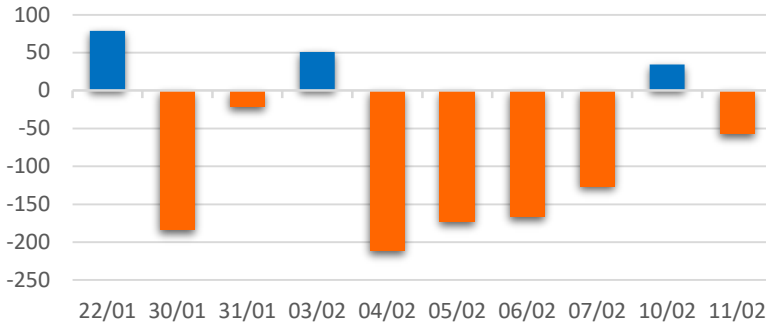
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

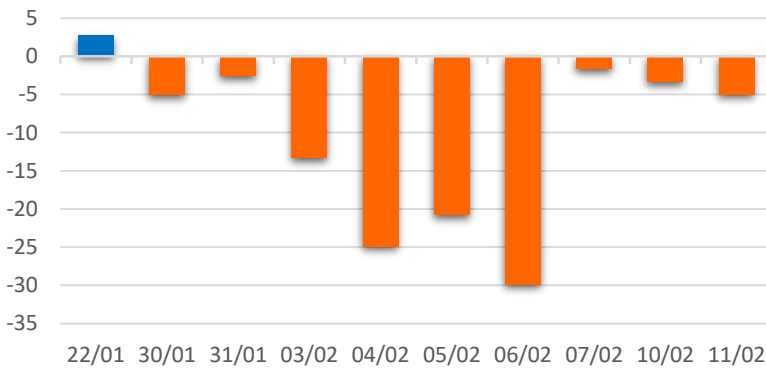
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VRE	29,987	MSN	42,984
VCB	15,370	VNM	28,386
PLX	10,264	HPG	19,531
VHM	10,039	E1VFN30	14,342
PVD	7,938	HCM	10,384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

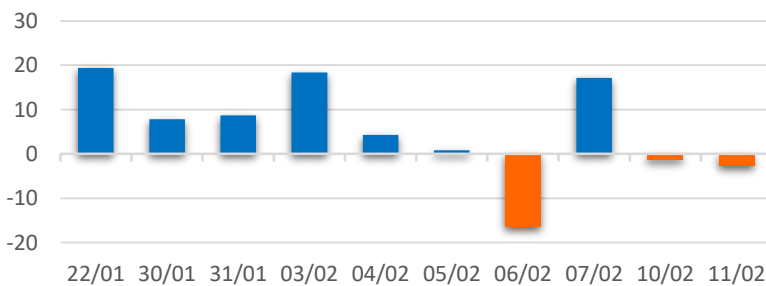
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCS	558	PVS	3,841
SHS	534	NTP	1,830
TNG	512	INN	272
PVC	511	SCI	244
HAD	143	S55	237

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	390	ACV	2,378
DTI	299	MPC	1,012
MCH	71	BCM	169
PVO	32	LTG	138
HND	17	IFS	93

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



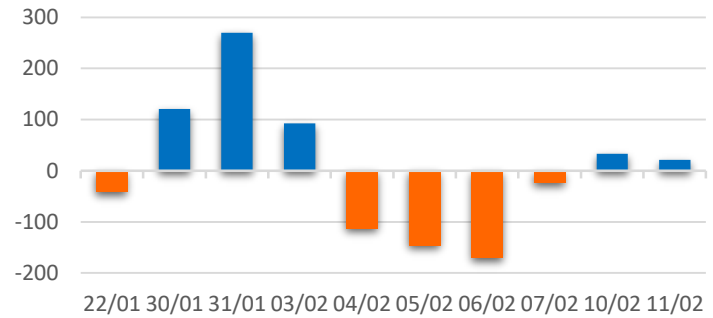
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

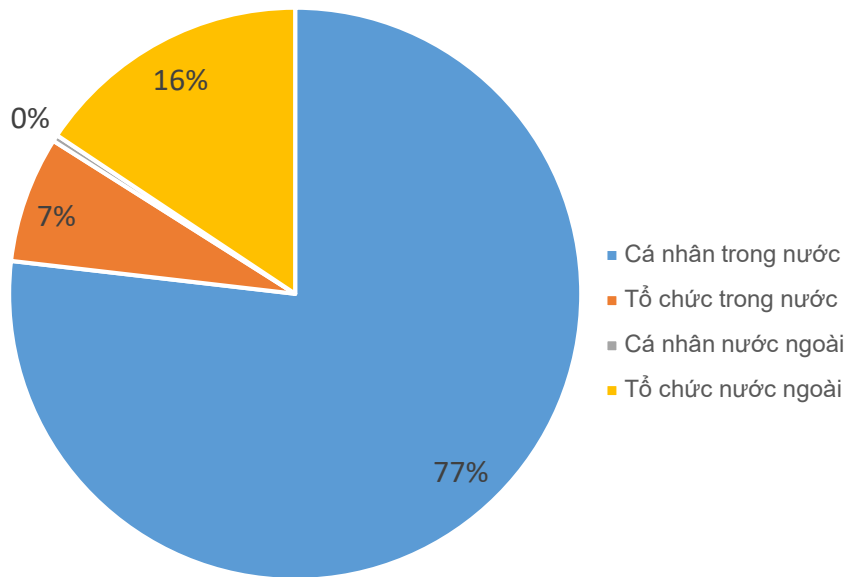
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>E1VFN30</b>	22,283	<b>HPG</b>	15,899
<b>HPG</b>	17,606	<b>PLX</b>	12,819
<b>MWG</b>	9,060	<b>FPT</b>	9,681
<b>MBB</b>	8,282	<b>E1VFN30</b>	7,990
<b>VNM</b>	5,430	<b>VPB</b>	7,669

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

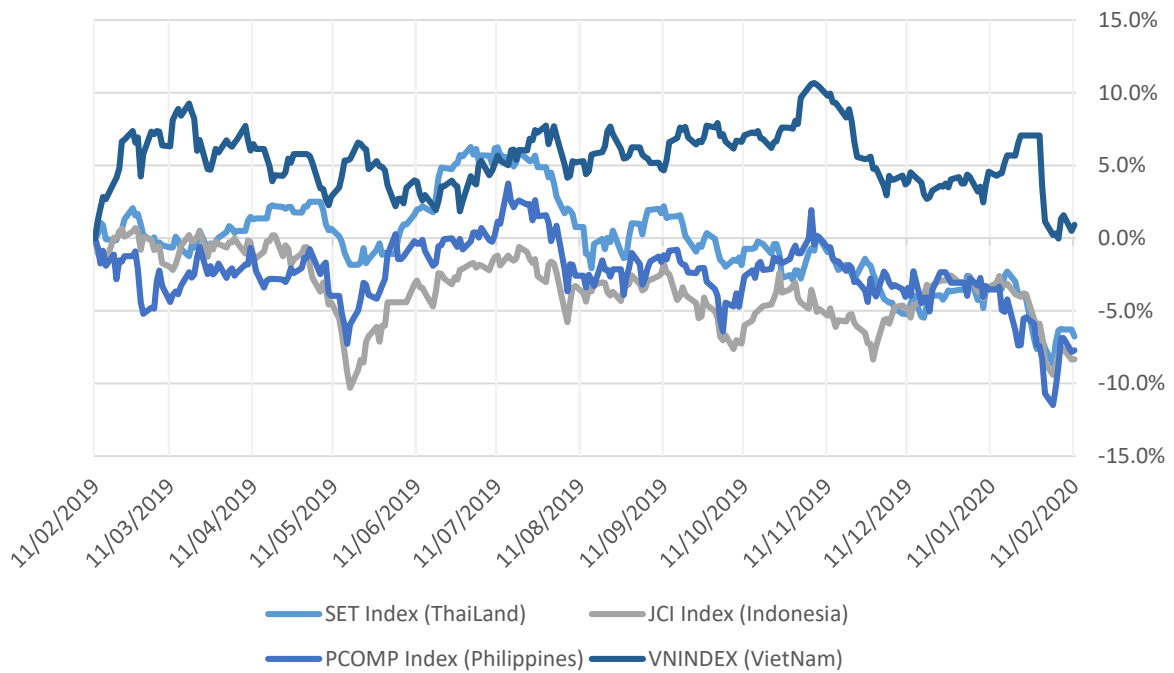


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

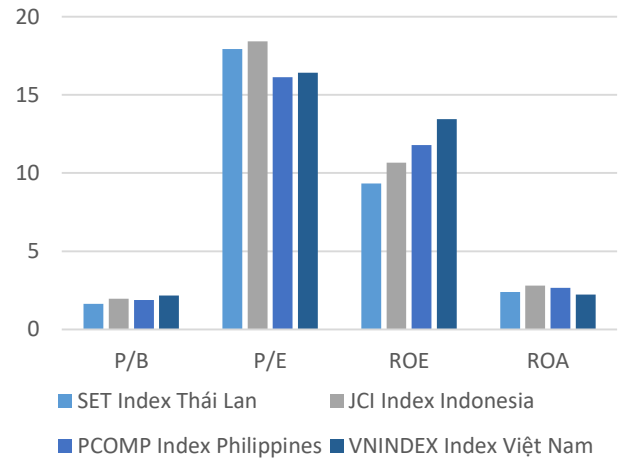
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.6x	2.0x	1.9x	2.2x
P/E		17.9x	18.4x	16.1x	16.4x
ROE	%	9.33	10.66	11.79	13.45
ROA	%	2.39	2.81	2.66	2.24
Vốn hóa	Tỷ USD	519.78	505.10	182.47	137.08
GTGD	Triệu USD	1.70	0.34	0.10	0.10
LS cổ tức	%	3.39	2.53	1.68	2.07

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826  
minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Lý Thị Hiền**

**Trưởng phòng NC-PT**

+84 28 3622 6868 ext 3908  
hien.ly@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833  
khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832  
hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880  
phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609  
tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404  
quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505  
thuy.vo@yuanta.com.vn

**Nguyễn Mạnh Hoạt**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868 ext 3847  
hoat.nguyen@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868 ext 3701  
phong.bui@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828  
hoa.chung@yuanta.com.vn

**Đinh Thị Thu Cúc**

**Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu**

+84 28 3622 6868 ext 3203  
cuc.dinh@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301  
tuan.vo@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409  
hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written